

CÁC GÓI SẢN PHẨM CHO TOÀ NHÀ QMS TOP TOWER – ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15/03/2025 ĐẾN KHI ĐIỀU CHỈNH

CH (m2)	Hướng cửa sổ (CĐT ghi tên hướng chính, chiếm nhiều)	Số CH	GÓI SẢN PHẨM 1: STANDARD (KH không vay Bank, trả theo tiến độ, giá bao gồm VAT, chính sách khách hàng được nhận: Quà tặng của Chủ đầu tư; phí trước bạ, bảo hiểm PCCC trong 02 năm Tiến độ thanh toán: - Thanh toán đợt 1 (Đặt cọc 200 triệu) - Thanh toán đợt 2: đến 50% (bao gồm cả đợt 1) sau 15 ngày kể từ ngày thanh toán đợt 1). - Thanh toán đợt 3: đến 20% (sau 45 ngày kể từ ngày thanh toán đợt 2); - Thanh toán đợt 4: đến 25% (sau 60 ngày kể từ ngày thanh toán đợt 3) - Thanh toán đợt 5: Thanh toán nốt 5% trước khi thông báo bàn giao nhà + Khách hàng hoàn tất thủ tục cấp GCN theo quy định.	GÓI SẢN PHẨM 2: KING Khách hàng không vay ngân hàng tự nguyện trả 95% (gồm VAT) Khách hàng được nhận: Quà tặng của Chủ đầu tư; phí trước bạ, bảo hiểm PCCC trong 02 năm; giảm trừ 3.5% giá trị căn hộ bao gồm VAT. Tiến độ thanh toán: - Đợt 1: Đặt cọc 200 triệu - Đợt 2: Thanh toán 95% (Sau 15 ngày kể từ ngày thanh toán đợt 1) - Đợt 3: Thanh toán nốt 5% trước khi thông báo bàn giao nhà + Khách hàng hoàn tất thủ tục cấp GCN theo quy định.	GÓI SẢN PHẨM 3: QUEEN Khách hàng vay Bank đến 75% thời gian vay từ 10 -> 20 năm, CĐT hỗ trợ LS 12 tháng kể từ ngày giải ngân, khách hàng tự nguyện trả đến 95% (Chính sách khách hàng: Lãi suất hỗ trợ, 12 tháng, Quà tặng của Chủ đầu tư, phí trước bạ, bảo hiểm PCCC trong 02 năm) Tiến độ thanh toán: - Đợt 1: Đặt cọc 200 triệu - Đợt 2: Thanh toán 20% - 25% - 30% (bao gồm cả đợt 1), tùy từng gói vay. (Sau 10 ngày kể từ ngày thanh toán đợt 1 (không kể T7, CN). - Đợt 3: Thanh toán 75% - 70% - 65% (Ngân hàng cho vay giải ngân) (Sau 15-20 ngày kể từ ngày thanh toán lần 2 (không kể T7, CN)) - Đợt 4: Thanh toán nốt 5% trước khi thông báo bàn giao nhà + Khách hàng hoàn tất thủ tục cấp GCN theo quy định.		GÓI SẢN PHẨM 4: PRINCE Khách hàng vay Bank đến 75% thời gian vay từ 10 -> 20 năm, CĐT hỗ trợ LS 24 tháng kể từ ngày giải ngân, khách hàng tự nguyện trả đến 95% (Chính sách khách hàng: Lãi suất hỗ trợ, 24 tháng, Quà tặng của Chủ đầu tư; phí trước bạ; bảo hiểm PCCC trong 02 năm) Tiến độ thanh toán: - Đợt 1: Đặt cọc 200 triệu - Đợt 2: Thanh toán 20% - 25% - 30% (bao gồm cả lần 1), tùy từng gói vay. (Sau 10 ngày kể từ ngày thanh toán lần 1 (không kể T7, CN). - Đợt 3: Thanh toán 75% - 70% - 65% (Ngân hàng cho vay giải ngân) (Sau 15-20 ngày kể từ ngày thanh toán lần 2 (không kể T7, CN)) - Đợt 4: Thanh toán nốt 5% trước khi thông báo bàn giao nhà + Khách hàng hoàn tất thủ tục cấp GCN theo quy định.	
				Đơn giá (VNĐ)	Số tiền lãi suất hỗ trợ 12 tháng (VNĐ) (Số tiền lãi phát sinh của khoản vay trong thời gian hỗ trợ dùng trả tiền lãi khách hàng, trong thời hạn 12 tháng, còn thừa cuối khách hàng được hưởng)	Đơn giá hỗ trợ Lãi suất 12 tháng (VNĐ)	Số tiền lãi suất hỗ trợ 24 tháng (VNĐ) (Số tiền lãi phát sinh của khoản vay trong thời gian hỗ trợ dùng trả tiền lãi khách hàng, trong thời hạn 24 tháng, còn thừa cuối khách hàng được hưởng)	Đơn giá hỗ trợ Lãi suất 24 tháng (VNĐ)
67	N - Sông Nhuệ	8	72,900,000	70,500,000	303,000,000	77,415,000	642,000,000	82,500,000
	T - Tổ Hữu	9	72,900,000	70,500,000	303,000,000	77,415,000	642,000,000	82,500,000
90	N - Sông Nhuệ	7	79,900,000	77,200,000	445,000,000	84,850,000	944,000,000	90,500,000
	T - Tổ Hữu	10	79,900,000	77,200,000	445,000,000	97,900,000	944,000,000	90,500,000
99.9	T - Tổ Hữu	2,4	85,900,000	82,900,000	531,000,000	91,500,000	1,127,000,000	97,200,000
	N - Sông Nhuệ	13,15	87,900,000	84,825,000	544,000,000	93,500,000	1,153,000,000	99,500,000
102.9	T - Tổ Hữu	3	85,900,000	82,900,000	547,000,000	91,300,000	1,161,000,000	97,200,000
	N - Sông Nhuệ	14	87,900,000	84,825,000	560,000,000	93,500,000	1,188,000,000	99,500,000
113.1	T - Tổ Hữu	1	99,900,000	96,500,000	700,000,000	106,100,000	1,483,000,000	113,000,000
	B - Hải Phát	5,6	99,900,000	96,500,000	700,000,000	106,100,000	1,483,000,000	113,000,000
	Đ - VTK	11,12	102,000,000	96,500,000	714,000,000	108,315,000	1,515,000,000	115,400,000
	N - Sông Nhuệ	16	99,900,000	96,500,000	106,100,000	700,000,000	1,483,000,000	113,000,000

Loại CH (m2)	Hướng cửa sổ (CĐT ghi tên hướng chính, chiếm nhiều)	Số CH	GÓI SẢN PHẨM SỐ 05: STARTUP 1 Dành cho khách hàng tuổi thanh niên (từ 22 tuổi đến 35 tuổi) Thời hạn vay từ 10 năm đến 35 năm Khách hàng được vay 100% (80% tài sản hình thành từ vốn vay + 20% tín chấp) KH vay Bank đến 100% CĐT hỗ trợ LS 12 tháng, KH tự nguyện trả đến 95% (Chính sách khách hàng được nhận: Lãi suất hỗ trợ 12 tháng, phí trước bạ, BH PCCC 2 năm) Tiền độ thanh toán: - Đợt 1: Đặt cọc 200 triệu - Các đợt thanh toán tiếp theo giải ngân theo quy định của Ngân hàng vay		GÓI SẢN PHẨM SỐ 06: STARTUP 2 Dành cho khách hàng tuổi thanh niên (từ 22 tuổi đến 35 tuổi) Thời hạn vay từ 10 năm đến 35 năm Khách hàng được vay 100% (80% tài sản hình thành từ vốn vay + 20% tín chấp) KH vay Bank đến 100% CĐT hỗ trợ LS 24 tháng, KH tự nguyện trả đến 95% (Chính sách khách hàng được nhận: Lãi suất hỗ trợ 24 tháng, phí trước bạ; BH PCCC 2 năm) Tiền độ thanh toán: - Đợt 1: Đặt cọc 200 triệu (bằng vốn vay ngân hàng) - Các đợt thanh toán tiếp theo, giải ngân theo quy định của Ngân hàng vay	
			Số tiền lãi suất hỗ trợ 12 tháng (VNĐ) (Số tiền lãi phát sinh của khoản vay trong thời gian hỗ trợ dùng trả tiền lãi KH trong thời hạn 12 tháng, còn thừa cuối khách hàng được hưởng)	Đơn giá (VNĐ)	Số tiền lãi suất hỗ trợ 24 tháng (VNĐ) (Số tiền lãi phát sinh của khoản vay trong thời gian hỗ trợ dùng trả tiền lãi KH trong thời hạn 24 tháng, còn thừa cuối khách hàng được hưởng)	Đơn giá (VNĐ)
67	N - Sông Nhuệ	8	450,000,000	79,600,000	942,000,000	86,960,000
	T - Tổ Hữu	9	450,000,000	79,600,000	942,000,000	86,960,000
90	N - Sông Nhuệ	7	661,000,000	87,300,000	1,390,000,000	95,310,000
	T - Tổ Hữu	10	661,000,000	87,300,000	1,390,000,000	95,310,000
99.9	T - Tổ Hữu	2 , 4	560,000,000	91,500,000	1,225,000,000	98,120,000
	N - Sông Nhuệ	13, 15	575,000,000	93,630,000	1,250,000,000	100,400,000
102.9	T - Tổ Hữu	3	576,000,000	91,500,000	1,260,000,000	98,120,000
	N - Sông Nhuệ	14	590,000,000	93,630,000	1,290,000,000	100,400,000
113.1	T - Tổ Hữu	1	740,000,000	106,410,000	1,607,000,000	114,110,000
	B - Hải Phát	5, 6	740,000,000	106,410,000	1,607,000,000	114,110,000
	Đ - VTK	11, 12	755,000,000	108,650,000	1,645,000,000	116,510,000
	N - Sông Nhuệ	16	755,000,000	106,410,000	1,607,000,000	114,110,000

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TRƯỜNG HỌC QUANG MINH